



BSC WEEKLY REVIEW
Tuần 48 (27/11-01/12/23)

*Dự báo danh mục FTSE Vietnam Index và
MarketVector Vietnam Local Index Quý 4 năm 2023*

NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *Gian nan hành trình phục hồi ngắn hạn*
2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *Dự báo danh mục FTSE Vietnam Index và MarketVector Vietnam Local Index Quý 4 năm 2023*
3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ: *SBV đã bơm ròng 25.55 nghìn tỷ trong tuần*
4. PTKT VN-INDEX: *VN-Index tiếp tục tích lũy trong khoảng 1,080 – 1,115 điểm*
5. TIN VĨ MÔ: *NHNN: tổng dư nợ tín dụng đối với BĐS của các TCTD đến ngày 30/09/2023 tăng 6.04%*
6. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Hàng cá nhân & Gia dụng +1.45%*
7. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN
8. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: *Gian nan hành trình phục hồi ngắn hạn*

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1095.61	-0.51%
GTGD/phiên (tỷ VND)	18,369.65	0.22%
Khối ngoại (tỷ VND)	-902.90	
HNX-INDEX	226.10	-0.19%
GTGD/phiên (tỷ VND)	2233.69	-1.45%
Khối ngoại (tỷ VND)	4.68	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4559.34	0.06%	1.00%	10.73%
EU (EURO STOXX)	4372.10	0.25%	0.72%	8.91%
China (SHCOMP)	3040.97	-0.68%	-0.44%	0.77%
Japan (NIKKEI)	33625.53	0.52%	0.12%	8.50%
Korea (KOSPI)	2496.63	-0.73%	1.08%	8.42%
Singapore (STI)	3094.81	-0.54%	-0.96%	1.08%
Thailand (SET)	1397.43	-0.65%	-1.30%	0.66%
Phillipines (PCOMP)	6269.50	0.37%	0.93%	5.16%
Malaysia (KLCI)	1453.92	0.04%	-0.46%	0.83%
Indonesia (JCI)	7009.63	0.08%	0.46%	3.71%
Vietnam (VNIndex)	1095.61	0.65%	-0.51%	3.30%

TTCK VIỆT NAM

Nhịp rung mạnh tiếp tục xuất hiện trong vùng tích lũy

Tương đồng với diễn biến tuần trước, phiên giảm ngày 23/11 lấy đi thành quả tăng điểm đầu tuần. VN-Index giảm 0.5% với 58% cổ phiếu và 18/19 ngành giảm trong bối cảnh khối ngoại tiếp tục bán ròng. Dòng tiền luân chuyển vào đầu tuần và lần lượt vận động qua các nhóm đầu tư công, chứng khoán, dầu khí, bất động sản khi thanh khoản không tăng trưởng. Sau phiên giảm mạnh, lực cầu bắt đáy vẫn duy trì tốt giúp cho VN-Index giữ trên các ngưỡng kỹ thuật quan trọng. Dù vậy, trong môi trường nhiều thông tin không rõ ràng, các phiên rung lắc sẽ còn tiếp tục diễn ra tại vùng tích lũy trước khi định hình xu hướng mới. NĐT cân nhắc giữ tỷ trọng ở mức an toàn, tránh mua đuổi và chỉ tăng tỷ trọng ở các nhịp cổ phiếu giảm sâu.

Để đạt mục tiêu tăng trưởng GDP 2024 ở mức 6-6.5% như Nghị quyết Quốc hội, các chuyên gia cho rằng cần có giải pháp đẩy mạnh giải ngân đầu tư công, xuất khẩu và phục hồi thị trường nội địa. Về đầu tư công, giải pháp tốt nhất là thay đổi cách tiếp cận, thay đổi môi trường kinh doanh, cắt bỏ thủ tục, đột phá về cơ chế. Về xuất khẩu, dự báo tăng trưởng xuất khẩu 2024 ở mức 5-7% nhờ thị trường Hoa Kỳ và Trung Quốc hồi phục. Xuất khẩu hồi phục phục hồi lao động và tạo cú hích cho tiêu dùng. Về phục hồi thị trường nội địa, Chính phủ cần kéo dài chương trình hỗ trợ người dân và doanh nghiệp tới 2025, quốc hội giảm thuế VAT 2% sẽ hỗ trợ cầu phục hồi trong 6 tháng đầu năm 2024.

TTCK THẾ GIỚI

Các TTCK Hoa Kỳ tăng điểm trong tuần nghỉ Lễ Tạ Ơn

Sau những phiên giằng co các chỉ số CK Hoa Kỳ tăng điểm trước ngày nghỉ Lễ nhờ lợi tức trái phiếu có thời điểm giảm thấp nhất trong 2 tháng. Các chỉ số CK Hoa Kỳ tăng bình quân 1% kéo theo diễn biến tích cực của các thị trường chủ chốt EU600 +1.6% và Nikkei225 +0.1%. Lợi tức trái phiếu 10 năm Hoa Kỳ đi ngang, giữ ở mức 4.46%. Chỉ số DXY, giảm -0.1%, qua đó mở rộng mức giảm -2.6% trong tháng. Chỉ số hàng hóa hồi phục với mức tăng 0.6%, phần lớn đóng góp từ mức tăng giá dầu +0.7%, giá vàng +0.6% quặng sắt +2.6%. Sau biên bản FOMC, thị trường đang chờ đợi các thêm các dữ liệu kinh tế. Biến động các thị trường do vậy vẫn sẽ mạnh và khó lường trong thời gian tới.

Biên bản FOMC tháng 11, các quan chức dự báo tăng trưởng GDP sẽ chậm lại rõ rệt, các dự báo thiên về tăng trưởng suy giảm trong khi rủi ro lạm phát tăng. Các quan chức cho biết chính sách ít nhất cần phải duy trì cho đến khi dữ liệu cho thấy lạm phát đang trên đà trở về mức mục tiêu 2% một cách thuyết phục. Các thành viên cũng chưa bắt đầu bàn về thời điểm giảm lãi suất như quan điểm Chủ tịch FED trước cuộc họp báo. Họ vẫn cho rằng cần phải có bước đi cẩn trọng và quyết định dựa vào dữ liệu sắp tới và tác động của chúng tới triển vọng kinh tế trong tương quan rủi ro. Lãi suất hiện tại duy trì ở mức 5.25% - 5.5%, cũng là mức cao nhất trong 22 năm. Dù vậy, thị trường vẫn phải chờ đợi thêm để đón nhận định hướng mới từ FED.

CHUYÊN MỤC TUẦN: Dự báo danh mục FTSE Vietnam Index và MarketVector Vietnam Local Index Quý 4 năm 2023

Ngày 01/12/2023, FTSE dự kiến sẽ công bố danh mục cổ phiếu thành phần bộ chỉ số FTSE Vietnam All-share và FTSE Vietnam Index, tiếp sau đó 1 tuần (08/12/2023), MarketVector cũng sẽ công bố danh mục cổ phiếu thuộc chỉ số MarketVector Vietnam Local Index. Đối với bộ chỉ số FTSE Vietnam 30 Index (ETF Fubon tham chiếu) sẽ chưa đến kỳ rà soát cổ phiếu thành phần.

Ngày 15/12/2023 dự kiến là ngày hoàn tất việc cơ cấu toàn bộ danh mục của các ETF tham chiếu theo các bộ chỉ số này.

Trên cơ sở dữ liệu tại ngày 22/11/2023, CTCK BIDV (BSC) dự báo danh mục cổ phiếu thành phần và số lượng cổ phiếu mua/bán đối với các ETF tham chiếu theo các chỉ số, cụ thể như sau:

- **MarketVector Vietnam Local Index:** dự kiến sẽ không thêm mới và loại bỏ cổ phiếu nào; tuy nhiên cần lưu ý đối với cổ phiếu **HNG** có nguy cơ bị loại do không đáp ứng điều kiện ngưỡng tỷ trọng vốn hóa lũy kế.

- **FTSE Vietnam Index:** dự kiến sẽ thêm mới cổ phiếu **PDR** và sẽ không loại bỏ cổ phiếu nào.

Giá trị tính toán có thể thay đổi do ngày chốt dữ liệu, hệ số tỷ lệ free-float mà MarketVector và FTSE áp dụng.

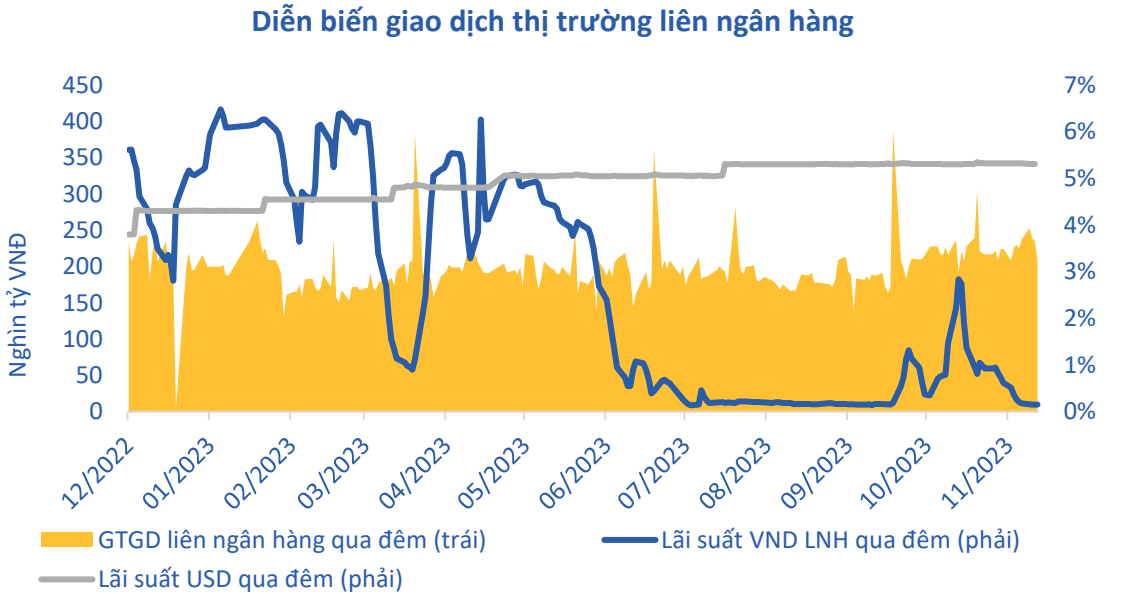
Trên cơ sở đó, danh mục Quỹ ETF tham chiếu theo 2 bộ chỉ số trên dự kiến mua/bán số lượng cổ phiếu như sau:

STT	Mã CK	MacketVector Vietnam			FTSE Vietnam			Tổng hợp			Ghi chú
		Tỷ trọng hiện tại	Tỷ trọng mới	SLCP mua/bán	Tỷ trọng mới	Tỷ trọng hiện tại	SLCP mua/bán	SLCP mua/bán	KLGD TB 1 tháng gần nhất	Số phiên giao dịch dự kiến	
1	VNM	6.82%	8.00%	2,320,268	9.81%	9.27%	660,597	2,980,865	2,309,327	1.29	
2	VIC	6.13%	8.00%	6,075,863	9.48%	9.54%	(-126,643)	5,949,220	6,249,860	0.95	
3	PDR	2.04%	1.98%	(-292,266)	1.62%	0.00%	4,840,747	4,548,481	15,968,614	0.28	Dự kiến được thêm mới trong FTSE Vietnam
4	VHM	6.27%	7.00%	2,554,312	9.19%	9.42%	(-510,605)	2,043,707	9,575,986	0.21	
5	KBC	1.65%	1.55%	(-442,042)	2.94%	2.25%	1,823,801	1,381,759	8,693,191	0.16	
6	VND	4.61%	4.48%	(-818,747)	3.16%	2.41%	2,904,765	2,086,018	25,865,792	0.08	
7	GEX	1.77%	1.68%	(-503,519)	2.33%	1.82%	1,888,080	1,384,561	20,123,322	0.07	
8	POW	1.29%	1.23%	(-686,910)	1.15%	1.01%	1,046,817	359,907	5,768,142	0.06	
9	VCG	1.27%	1.21%	(-367,691)	1.19%	1.00%	684,360	316,669	9,110,479	0.03	
10	HUT	2.14%	2.17%	222,824	0.00%	0.00%	0	222,824	7,036,963	0.03	
11	DXG	0.92%	0.86%	(-372,908)	1.31%	1.20%	449,437	76,529	21,221,947	0.00	
12	NVL	3.60%	3.61%	49,755	0.00%	0.00%	0	49,755	30,623,214	0.00	
13	SHB	2.22%	2.12%	(-1,166,322)	2.07%	1.92%	1,161,228	(-5,094)	20,622,716	(-0.00)	
14	SHS	1.34%	1.29%	(-369,247)	0.00%	0.00%	0	(-369,247)	36,034,810	(-0.01)	
15	DCM	0.97%	0.95%	(-89,976)	0.00%	0.00%	0	(-89,976)	4,539,039	(-0.02)	
16	HPG	6.85%	6.50%	(-1,755,961)	14.71%	14.32%	1,207,886	(-548,075)	26,359,491	(-0.02)	
17	PVS	1.26%	1.22%	(-144,631)	0.00%	0.00%	0	(-144,631)	6,114,877	(-0.02)	
18	DIG	1.65%	1.59%	(-291,455)	1.37%	1.47%	(-316,877)	(-608,333)	24,711,695	(-0.02)	
19	HSG	0.90%	0.90%	(-12,994)	1.15%	1.23%	(-327,773)	(-340,767)	12,788,960	(-0.03)	
20	HAG	0.94%	0.88%	(-825,833)	0.00%	0.00%	0	(-825,833)	16,708,617	(-0.05)	
21	IDC	1.50%	1.43%	(-186,133)	0.00%	0.00%	0	(-186,133)	3,497,878	(-0.05)	
22	TCH	0.99%	0.93%	(-630,281)	0.00%	0.00%	0	(-630,281)	10,228,155	(-0.06)	
23	VIX	2.59%	2.47%	(-973,149)	1.56%	2.06%	(-2,492,688)	(-3,465,837)	39,114,385	(-0.09)	
24	VCI	2.98%	2.82%	(-497,449)	2.26%	2.37%	(-220,593)	(-718,042)	7,941,627	(-0.09)	
25	KDH	0.66%	0.62%	(-162,064)	0.00%	0.00%	0	(-162,064)	1,697,757	(-0.10)	
26	EIB	2.04%	1.89%	(-1,088,488)	1.69%	1.84%	(-686,280)	(-1,774,769)	17,692,544	(-0.10)	
27	DGC	3.02%	2.95%	(-101,599)	3.09%	3.31%	(-196,733)	(-298,332)	2,897,105	(-0.10)	
28	SBT	0.92%	0.88%	(-348,253)	0.00%	0.00%	0	(-348,253)	2,698,293	(-0.13)	
29	VPI	1.39%	1.33%	(-138,760)	0.00%	0.00%	0	(-138,760)	920,322	(-0.15)	
30	HDG	0.57%	0.53%	(-204,305)	0.00%	0.00%	0	(-204,305)	1,242,063	(-0.16)	
31	KDC	1.34%	1.23%	(-245,702)	0.00%	0.00%	0	(-245,702)	1,242,655	(-0.20)	
32	SSI	5.98%	5.50%	(-1,990,953)	5.84%	7.12%	(-3,326,825)	(-5,317,778)	25,945,122	(-0.20)	
33	DPM	1.09%	1.05%	(-179,359)	1.00%	1.19%	(-486,046)	(-665,405)	2,985,017	(-0.22)	
34	PVD	1.02%	0.98%	(-203,811)	1.04%	1.39%	(-1,073,752)	(-1,277,562)	5,650,117	(-0.23)	
35	VHC	1.54%	1.47%	(-143,876)	0.00%	0.00%	0	(-143,876)	617,165	(-0.23)	
36	SAB	1.92%	1.82%	(-212,626)	0.00%	0.00%	0	(-212,626)	789,878	(-0.27)	
37	VRE	2.08%	1.96%	(-736,344)	3.50%	3.80%	(-1,109,764)	(-1,846,109)	6,389,694	(-0.29)	
38	VJC	1.66%	1.62%	(-48,528)	2.48%	3.25%	(-609,460)	(-657,988)	1,437,829	(-0.46)	
39	MSN	4.17%	3.98%	(-403,608)	7.06%	7.68%	(-809,181)	(-1,212,789)	2,525,838	(-0.48)	
40	BVH	0.93%	0.88%	(-151,557)	0.00%	0.00%	0	(-151,557)	311,896	(-0.49)	
41	HNG	0.48%	0.45%	(-1,226,565)	0.00%	0.00%	0	(-1,226,565)	2,197,306	(-0.56)	
42	VCB	6.48%	6.00%	(-755,506)	9.01%	9.13%	(-117,268)	(-872,774)	1,409,807	(-0.62)	

Nguồn: BSC Research

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Tuần	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Giá trị hút	Giá trị bơm	Giá trị bơm ròng
Tuần 38	18/09/2023	22/09/2023	19,995.00	0.00	-19,995.00
Tuần 39	25/09/2023	29/09/2023	73,799.80	0.00	-73,799.80
Tuần 40	02/10/2023	06/10/2023	46,899.80	0.00	-46,899.80
Tuần 41	09/10/2023	13/10/2023	64,999.60	0.00	-64,999.60
Tuần 42	16/10/2023	20/10/2023	55,899.70	19,995.00	-35,904.70
Tuần 43	23/10/2023	27/10/2023	25,549.90	73,799.80	48,249.90
Tuần 44	30/10/2023	03/11/2023	58,199.90	46,899.80	-11,300.10
Tuần 45	06/11/2023	10/11/2023	14,999.90	64,999.60	49,999.70
Tuần 46	13/11/2023	17/11/2023	0.00	55,899.70	55,899.70
Tuần 47	20/11/2023	24/11/2023	0.00	25,549.90	25,549.90



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
Lãi suất liên ngân hàng BQ	0.15%	0.35%	0.46%	1.17%	3.45%	5.04%	6.25%
So với tuần trước	-0.15%	-0.12%	-0.20%	-0.19%	-0.09%	-0.23%	-0.25%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	234,095.00	13,331	9,597	2,246	3,219	128	13
So với tuần trước	3.89%	-3.30%	117.53%	78.40%	118.41%	-23.59%	-95.17%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 23/11/2023

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét:

- Trong tuần 47, SBV đã bơm ròng 25.55 nghìn tỷ đồng qua OMOs.
- Bình quân lãi suất liên ngân hàng qua đêm giảm nhẹ trong tuần và thanh khoản tăng.

PTKT VN-INDEX: VN-Index tiếp tục tích lũy trong khoảng 1,080 – 1,115 điểm

Đồ thị ngày: Điệp khúc những phiên tăng điểm theo mẫu hình doji sau đó là cây nến giảm mạnh phủ nhận xu hướng tuần trước lại tái hiện trong tuần này. Áp lực bán mạnh đã đẩy VN-Index giảm dưới 1,080 điểm trước khi hồi phục và giữ trên SMA20. Cây nến hammer cuối tuần tại SMA20 mở ra kỳ vọng phục hồi trong tuần tới. Dù vậy, Các chỉ báo kỹ thuật duy trì ở mức trung bình báo hiệu diễn biến tích lũy còn kéo dài trong khoảng giá này.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI giảm nhẹ từ 48 và 46 điểm.
- MACD giữ trên đường tín hiệu và gần với mức 0. Thanh khoản giảm 5% so tuần trước.
- VN-Index giữ trên SMA20 nhưng vẫn nằm dưới SMA 50, 100 và 200.

Kết luận: Diễn biến VN-Index trong gần 3 tuần qua chủ yếu giao động trong vùng tích lũy sau đáy từ 1,080 – 1,115 điểm và vẫn trong kiểm soát của cây nến tăng điểm chạy đà 8/11. Chỉ số giữ được trên SMA20 cũng như chưa hình thành đỉnh đáy trước thấp hơn đỉnh đáy sau để phủ nhận xu hướng phục hồi hiện tại. Trong vùng tích lũy dải bollinger vẫn đang mở rộng và các chỉ báo ở mức trung tính do vậy quá trình lũy sẽ còn diễn ra trong nhiều phiên tới cho đến khi xuất hiện những phiên giao dịch xác lập xu hướng.



Nguồn: BSC Research

TIN VĨ MÔ: NHNN: tổng dư nợ tín dụng đối với lĩnh vực BĐS của các TCTD đến ngày 30/09/2023 tăng 6.04% so với 31/12/2022

VIỆT NAM:

- Quốc Hội: chiều 23/11 Quốc hội thảo luận về Dự án Luật các tổ chức tín dụng sửa đổi theo đó có nhiều ý kiến đã được tiếp thu, giải trình, chỉnh lý theo báo cáo số 691/BC-UBTVQH15. Cụ thể một số ý kiến về việc điều chỉnh quy định về người có liên quan, can thiệp sớm TCTD khi có lỗ lũy kế 15% thay vì 20%...
- Chính Phủ: Ban hành quyết định 11/2023/QĐ-TTg thay thế Quyết định 20/2013/QĐ-TTg ngày 18/4/2013 của Thủ tướng, theo đó từ ngày 01/12/2023 các giao dịch có giá trị từ 400 triệu đồng trở lên phải báo cáo của Ngân hàng Nhà nước.
- NHNN: tổng dư nợ tín dụng đối với lĩnh vực BĐS của các TCTD đến ngày 30/09/2023 đạt 2.74 triệu tỷ đồng, tăng 6,04% so với 31/12/2022, chiếm tỷ trọng 21.46% tổng dư nợ đối với nền kinh tế. Đáng chú, tỷ lệ nợ xấu trong lĩnh vực đến cuối tháng 9 đã tăng mức 2.89%, cao hơn nhiều so với mức ghi nhận vào cuối năm 2022 là (1.72%)
- NHNN: đã trình và được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương chuyển giao bắt buộc đối với 04 ngân hàng yếu kém thuộc diện kiểm soát đặc biệt.
- Bộ GD&ĐT: hiện có trên 50 doanh nghiệp FDI lớn đã đầu tư vào Việt Nam về công nghiệp vi điện tử và bán dẫn - trong đó lĩnh vực thiết kế vi mạch đòi hỏi nhiều nhất nguồn nhân lực chất lượng cao. Tổng nhu cầu nhân lực trong lĩnh vực này theo dự báo trong vòng 5 năm tới sẽ cần khoảng 20,000 người và 10 năm khoảng 50,000 người từ trình độ đại học trở lên.
- Bộ Tài Chính: ban hành Thông tư số 69/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2021 quy định lộ trình sắp xếp lại thị trường giao dịch cổ phiếu, trái phiếu, chứng khoán phái sinh và các loại chứng khoán khác theo đó nới thời hạn hoàn tất sắp xếp lại thị trường giao dịch cổ phiếu, cụ thể: chậm nhất tới ngày 31/12/2025, HNX sẽ chuyển hết cổ phiếu niêm yết về HOSE và chậm nhất tới 31/12/2026, toàn bộ cổ phiếu đăng ký giao dịch (UPCoM) sẽ được chuyển về HOSE.

THẾ GIỚI:

- FED: Công bố biên bản họp FOMC T10 theo đó Fed không đưa ra dấu hiệu nào về việc cắt giảm lãi suất
- ECB: Thành viên Hội đồng Thống đốc Gediminas Simkus cho rằng các nhà đầu tư đang kỳ vọng quá sớm về thời điểm bắt đầu giảm lãi suất của ECB.
- Hoa Kỳ: Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu đã giảm 24,000 xuống còn 209,000 trong tuần kết thúc vào ngày 18/11, giảm mạnh so với mức cao nhất trong ba tháng trong tuần trước và thấp hơn nhiều so với kỳ vọng của thị trường là 225,000.
- Trung Quốc: Thành viên của cơ quan lập pháp hàng đầu cho biết các ngân hàng Trung Quốc nên đẩy mạnh cấp vốn cho các nhà phát triển bất động sản để giảm nguy cơ xảy ra vỡ nợ và đảm bảo hoàn thành các dự án nhà ở.
- Ấn Độ: sẽ trợ cấp cho một số công ty phần cứng công nghệ lớn nhất thế giới, bao gồm nhà cung cấp Foxconn của Apple và tập đoàn máy tính Lenovo cùng 25 công ty phần cứng công nghệ khác, nhằm thực hiện kế hoạch thúc đẩy sản xuất trong nước và tăng cường công nghệ quốc gia với tham vọng trở thành mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng điện tử toàn cầu...
- Reuters: Trung Quốc đã đưa nhà phát triển bất động sản Country Garden vào danh sách dự thảo gồm 50 nhà phát triển đủ điều kiện để nhận một số biện pháp hỗ trợ tài chính. Các nhà phát triển đang gặp khó khăn khác như: Sino-Ocean Group và CIFI Holdings cũng có tên trong bản dự thảo
- OPEC+: Cuộc họp dự kiến vào 26/11 đã bị hoãn lại đến ngày 30/11. Các quan chức Saudi Arabia đã bày tỏ sự không hài lòng về mức sản xuất dầu của các nước thành viên khác. Thời gian trì hoãn cuộc họp vẫn chưa rõ ràng, vì chưa có quyết định cuối cùng nào được đưa ra.

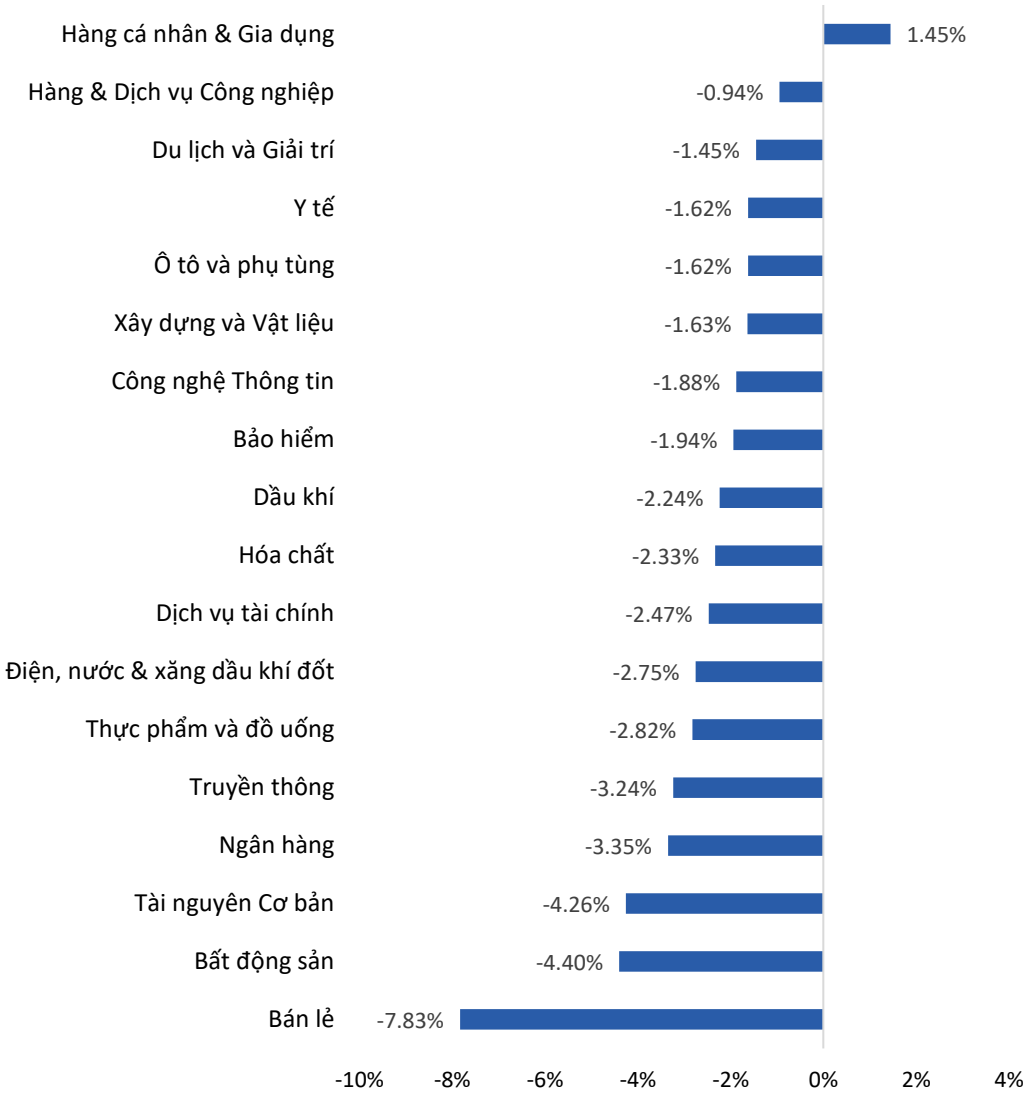
THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Các dữ liệu kinh tế vĩ mô tháng 11/2023.
- Quốc hội khóa XV, kỳ họp thứ 6, bế mạc vào ngày 29/11/2023
- 26/11, Cuộc họp OPEC. 27/11, Doanh thu bán nhà mới Hoa Kỳ. 28/11, Doanh thu bán lẻ Úc; Chỉ số niềm tin tiêu dùng Hoa Kỳ. 29/11, CPI Úc, CPI Đức; GDP điều chỉnh công bố lần thứ 2 và dự trữ dầu thô Hoa Kỳ. 30/11, Tỷ lệ thất nghiệp, Doanh thu bán lẻ Nhật; PMI Trung Quốc; Dự báo CPI EU; Tỷ lệ thất nghiệp, Doanh thu bán nhà qua sử dụng Hoa Kỳ. 1/12, PMI Trung Quốc, EU và Hoa Kỳ.

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu			
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.68%	1.45%	3.14%	TCM	1.10%		
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.38%	-0.94%	2.47%	GDM	4.00%	VSC	-1.20%
Du lịch và Giải trí	0.55%	-1.45%	1.46%	HVN	-0.47%	VJC	6.71%
Y tế	-0.63%	-1.62%	-5.11%	DBD	-1.01%	PME	0.38%
Ô tô và phụ tùng	-0.93%	-1.62%	0.12%	VEA	3.31%	0	0.00%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	75.54	-2.02%	-0.66%	-10.81%	PVD, PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	USD/bbl.	80.58	-1.03%	-0.04%	-9.66%	PVD, PVT	GAS, BSR
Xăng	USd/gal.	216.51	-3.01%	-0.89%	-5.67%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	USD/oz.	2000.8199	0.43%	1.01%	-0.28%		PNJ
Bạc	USD/oz.	24.33	2.75%	2.58%	5.23%		PNJ
Đậu tương	USd/bu.	1330.75	-1.90%	-0.71%	0.85%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USd/bu.	577.25	-1.24%	0.26%	-4.19%		AFX
Sữa	USD/cwt	16.35	0.00%	-1.74%	-5.44%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	262.9	1.12%	-1.24%	1.58%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	USd/lb.	26.98	-0.88%	-0.74%	-1.32%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USd/lb.	168.15	-0.53%	0.90%	4.77%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/MT	8428.5	0.23%	1.95%	4.07%	MSN, ACM, BGM	CAV, SAM, TGP, VTH
Thép	CNY/MT	3937	-0.33%	-0.51%	6.58%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG
Nhôm	USD/MT	2216	-0.38%	0.41%	-0.18%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	977	-0.36%	1.40%	11.28%		HPG
Than đá	USD/MT	129.4	-0.73%	1.41%	-8.29%	HLC, NBC, TNT, THT	HT1, BCC, PPC, POW
Thép HRC	CNY/MT	4017	-0.07%	-0.57%	5.29%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index

Mã	% tăng	Điểm số
BID	0.02%	0.95
NVL	0.09%	0.73
VCB	0.00%	0.56
VND	0.05%	0.32
HAG	0.14%	0.30
DGC	0.02%	0.21
HVN	0.03%	0.19
SSI	0.02%	0.19
BSI	0.09%	0.19
VCI	0.04%	0.19

Tổng 3.83

Top giảm điểm số VN-Index

Mã	% giảm	Điểm số
MWG	-0.07%	-1.05
TCB	-0.04%	-0.97
VNM	-0.02%	-0.89
MSN	-0.04%	-0.82
VIC	-0.02%	-0.81
GAS	-0.02%	-0.69
BCM	-0.04%	-0.67
ACB	-0.03%	-0.63
STB	-0.04%	-0.50
MBB	-0.02%	-0.46

Tổng -7.49

Khối ngoại mua ròng

Mã	Mua ròng	SHNN
DGC	175.53	17.17
SSI	171.53	
VND	165.60	22.84
STB	133.58	23.50
FUEVFN	118.14	
NKG	94.44	9.63
PVD	50.37	22.09
VCB	46.34	23.53
BID	45.30	17.17
NLG	43.81	41.66

Tổng 1,044.66

Khối ngoại bán ròng

Mã	Mua ròng	SHNN
VPB	-734.74	13.72
VHM	-328.55	24.89
VNM	-237.63	55.16
VRE	-226.06	33.34
FUESSVFL	-203.90	
MWG	-138.20	47.09
VIC	-83.55	12.82
HPG	-70.39	24.81
VHC	-63.90	31.48
BCM	-59.44	2.33

Tổng -2146.37

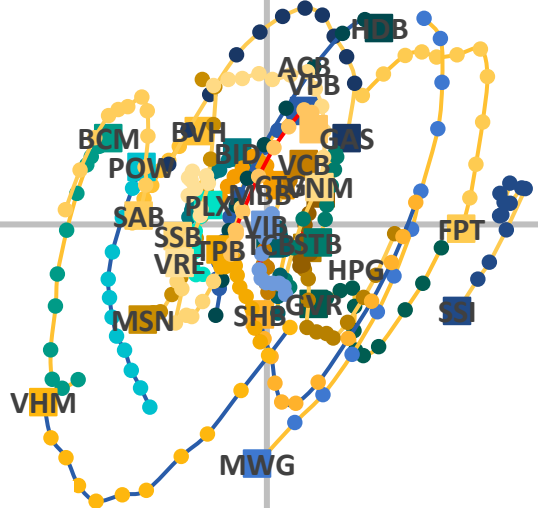
Vận động cổ phiếu VN30

ACB	102.4111	103.0305	-2.86%
CTG	100.8844	101.0444	-14.11%
GAS	105.1318	102.3004	-1.65%
HDB	107.2155	105.2426	7.00%
MBB	103.4835	100.8237	-9.14%
VCB	102.3949	101.6045	-0.56%
VJC	105.6162	106.6462	4.82%
VNM	103.3925	100.9941	-4.89%
VPB	103.0169	102.5436	-10.20%
BCM	89.8498	102.3037	-18.75%
BID	98.11284	101.9172	-11.89%
BVH	95.64229	102.4879	-13.12%
PLX	96.25346	100.511	-15.26%
POW	91.96981	101.5328	-20.14%
SAB	91.80011	100.2274	-17.92%
FPT	112.4971	99.8767	5.92%
GVR	103.0213	97.86794	-13.15%
HPG	102.618	99.36436	-9.71%
SSI	112.2276	97.68063	1.05%
STB	103.281	99.51354	-8.65%
TCB	100.245	99.48197	-8.82%
MSN	92.04877	97.44348	-22.17%
MWG	99.38943	93.59529	-27.74%
SHB	99.56409	97.58074	-16.73%
SSB	94.29186	99.67859	-17.35%
TPB	97.03875	99.32075	-14.85%
VHM	85.67527	95.24031	-33.17%
VIB	99.91922	99.97952	-10.14%
VIC	87.35178	93.07281	-42.14%
VRE	94.41993	98.96563	-21.04%

Hồi
phục

Tích
cực

JdK RS-Momentum



Tiêu
cực

Suy
yếu

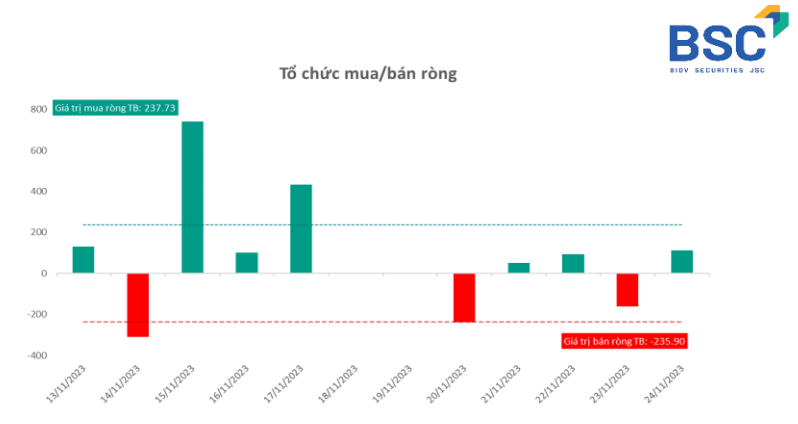
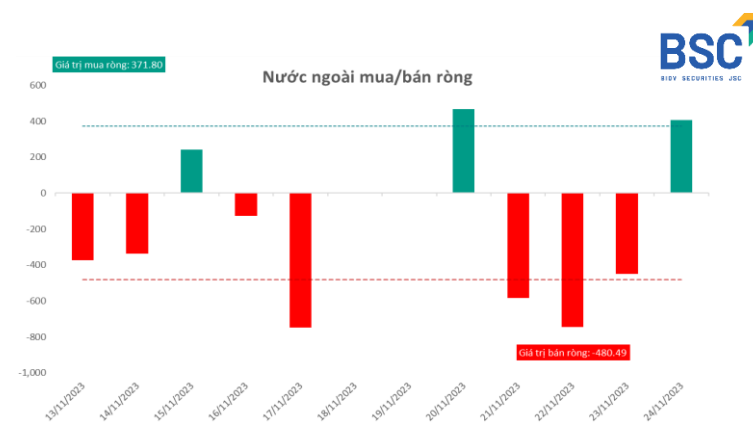
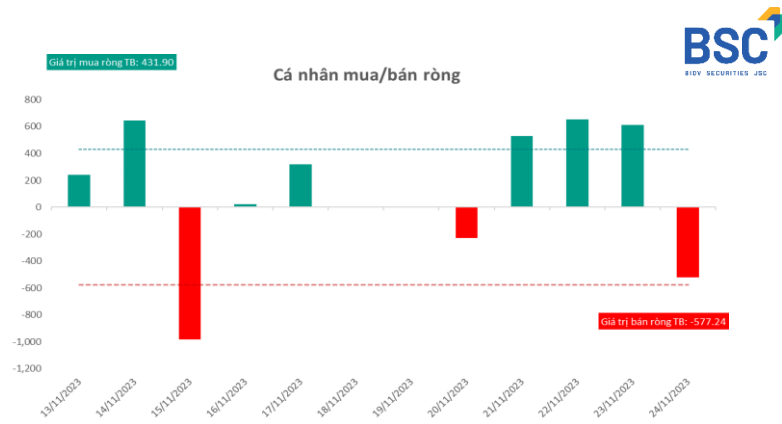
JdK RS-Ratio

Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- Tích cực → nên trong danh sách mua
- Suy yếu → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- Tiêu cực → nên trong danh sách tránh
- Hồi phục → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng

Nguồn: Bloomberg

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tự doanh						NGTNN						Cá nhân					
Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng		
Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị
FUESSVFL	11,918,400	214.20	FUEVFNVD	4,382,600	-112.90	DGC	1,860,399	175.53	VPB	34,942,911	-734.74	VPB	35,898,811	751.08	HDB	17,837,745	-312.20
EIB	4,910,200	108.80	TCB	2,685,602	-84.55	SSI	5,406,336	171.53	VHM	8,393,065	-318.55	VHM	9,697,715	376.91	EVF	12,236,400	-196.16
EVF	3,725,300	56.89	STB	2,739,400	-76.05	VND	7,775,720	165.60	VNM	3,442,545	-237.63	VNM	3,597,445	248.16	DGC	1,899,699	-179.42
HPG	1,247,487	32.63	VND	3,118,600	-67.01	STB	4,588,600	133.58	VRE	9,964,151	-226.06	VRE	10,039,351	227.72	SSI	3,315,732	-109.19
KBC	918,900	29.34	BCM	990,200	-58.75	FUEVFNVD	4,590,884	118.14	FUESSVFL	11,341,300	-203.90	MSB	13,708,607	171.70	VND	4,819,720	-101.95
MBB	1,373,600	24.70	MSN	683,300	-42.84	NKG	4,310,520	94.44	MWG	3,403,717	-138.20	VIC	3,162,342	133.66	NKG	3,911,720	-85.76
HSG	636,700	14.01	VPB	2,011,300	-38.40	PVD	1,848,286	50.37	VIC	1,968,649	-83.55	TCB	4,127,402	121.47	FPT	902,097	-82.86
POW	896,800	10.28	DGC	376,300	-36.01	VCB	534,241	46.34	HPG	2,636,901	-70.39	MWG	2,667,117	109.55	NLG	2,104,100	-75.74
PNJ	118,673	9.43	ACB	1,417,502	-31.50	BID	1,045,335	45.30	VHC	907,100	-63.90	STB	3,416,900	96.87	PVD	2,549,086	-69.78
DBC	385,200	9.13	E1VFN30	1,265,900	-24.02	NLG	1,235,100	43.81	BCM	1,002,200	-59.44	HSG	3,717,787	80.89	DCM	1,735,400	-55.54

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link
VCB	Ngân hàng	86	0.60%	1.00	19,858.00	2.60	5,797.00	14.80	105,000	23.50%	Link
BID	Ngân hàng	43.6	1.50%	0.70	9,122.00	1.50	4,025.00	10.80	54,578	17.10%	Link
VPB	Ngân hàng	19.2	0.30%	1.00	6,293.00	8.60	1,727.00	11.10	23,685	16.60%	Link
TCB	Ngân hàng	30	-1.20%	1.50	4,367.00	5.80	5,059.00	5.90	-	22.50%	Link
MBB	Ngân hàng	17.8	-0.30%	1.30	3,845.00	5.90	3,496.00	5.10	24,400	23.20%	Link
STB	Ngân hàng	28.3	0.40%	0.90	2,204.00	27.90	3,600.00	7.90	31,200	24.40%	Link
GVR	BĐS KCN	19.6	1.30%	1.60	3,231.00	1.80	714.00	27.40	19,100	0.50%	Link
KBC	BĐS KCN	31.4	3.10%	1.60	994.00	12.90	4,368.00	7.20	42,500	20.30%	Link
IDC	BĐS KCN	48.9	2.30%	1.40	667.00	5.10	3,969.00	12.30	45,900	11.10%	Link
VGC	BĐS KCN	52	2.40%	1.70	963.00	2.60	2,651.00	19.60	-	4.80%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	26.4	2.10%	1.70	6,342.00	28.60	(328.00)	-80.50	23,300	26.40%	Link
VHM	Bất động sản	39.1	0.30%	1.50	7,034.00	11.90	10,341.00	3.80	79,900	24.20%	Link
VRE	BĐS	23	0.00%	1.30	2,122.00	3.70	1,588.00	14.20	38,900	32.10%	Link
KDH	BĐS	31.4	0.30%	1.70	1,037.00	1.90	1,280.00	24.50	44,100	38.90%	Link
NLG	BĐS	36.9	3.90%	1.30	586.00	4.50	1,582.00	23.30	46,100	41.40%	Link
DGC	Hóa chất	95.5	2.80%	1.50	1,498.00	12.30	10,728.00	8.90	85,000	13.50%	Link
DPM	Phân bón	32.8	0.90%	0.90	530.00	3.30	6,403.00	5.10	41,000	15.40%	Link
DCM	Phân bón	31.9	2.10%	1.20	698.00	4.70	4,286.00	7.40	36,000	11.40%	Link
GAS	Dầu khí	77.5	0.60%	0.70	7,354.00	2.00	5,567.00	13.90	110,500	2.90%	Link
PLX	Dầu khí	33.4	-0.90%	1.00	1,753.00	1.10	2,125.00	15.70	45,000	17.30%	Link
PVS	Dầu khí	37	1.40%	1.20	731.00	8.00	1,953.00	18.90	38,500	20.30%	Link
PVD	Dầu khí	27	1.50%	1.30	620.00	4.50	449.00	60.10	29,000	21.30%	Link
POW	Tiện ích	11.4	-0.40%	0.80	1,103.00	3.00	602.00	18.90	14,500	6.20%	Link
VNM	F&B	68.3	-0.60%	0.60	5,897.00	8.80	3,935.00	17.40	81,700	54.40%	Link
MSN	F&B	61.8	-2.40%	1.40	3,653.00	5.30	916.00	67.50	27,700	30.50%	Link
MWG	Bán lẻ	38.6	3.40%	1.60	2,329.00	17.80	1,069.00	36.10	63,800	49.00%	Link
PNJ	Bán lẻ	80.4	-0.50%	0.70	1,090.00	2.00	5,503.00	14.60	83,500	49.00%	Link
VHC	Thủy sản	69.5	0.00%	0.80	537.00	1.90	7,080.00	9.80	90,900	32.10%	Link
GMD	Logistics	68.9	-1.10%	0.60	871.00	4.80	7,470.00	9.20	57,000	47.00%	Link
FPT	Công nghệ	91.2	0.40%	0.70	4,785.00	8.50	4,573.00	19.90	108,000	49.00%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
CTG	Ngân hàng	29.6	1.40%	0.90	5,877.00	3.80	3,664.00	8.10	1.30	27.20%	16.10%
ACB	Ngân hàng	22	-0.70%	0.90	3,538.00	7.20	3,722.00	5.90	1.40	30.00%	25.20%
HDB	Ngân hàng	18.3	1.40%	0.80	2,187.00	4.40	2,765.00	6.60	1.40	20.00%	23.20%
LPB	Ngân hàng	15.2	1.00%	0.80	1,601.00	1.00	1,410.00	10.70	1.60	3.90%	15.90%
VIB	Ngân hàng	18.8	0.00%	1.30	1,970.00	2.10	3,534.00	5.30	1.40	20.50%	28.80%
VND	Chứng khoán	21.3	3.40%	1.90	1,072.00	27.70	467.00	45.60	1.70	23.60%	3.80%
TPB	Ngân hàng	17	0.00%	1.10	1,546.00	2.50	2,697.00	6.30	1.20	28.80%	19.80%
SSI	chứng khoán	32	3.60%	1.40	1,982.00	32.60	1,090.00	29.40	2.20	46.10%	9.00%
CII	Xây dựng	16.9	0.60%	1.90	222.00	8.30	318.00	53.20	6.80	8.50%	2.60%
C4G	Xây dựng	11.7	1.70%	1.70	-	0.90	445.00	26.30	1.10	0.00%	5.20%
CTD	Xây dựng	62.5	1.80%	1.50	256.00	9.80	681.00	91.70	0.80	43.50%	0.80%
HHV	Xây dựng	15	2.40%	1.40	203.00	5.60	919.00	16.30	0.60	4.80%	4.20%
LCG	Xây dựng	12	-0.40%	2.00	93.00	3.70	482.00	24.60	0.90	3.10%	3.80%
BCM	KCN	58.8	-0.20%	0.70	2,514.00	0.80	418.00	140.70	3.50	2.70%	1.70%
HUT	KCN	20	0.00%	1.30	738.00	5.90	56.00	354.00	4.90	2.00%	1.30%
PHR	KCN	46.4	-0.70%	1.20	260.00	0.90	6,568.00	7.10	1.80	15.40%	26.90%
SZC	KCN	43.2	6.90%	1.60	214.00	7.70	1,405.00	30.80	3.20	3.00%	10.90%
HSG	Vật liệu	21	2.20%	1.90	533.00	14.90	(2,105.00)	-10.00	1.30	20.50%	2.30%
HT1	Vật liệu	11.8	-0.80%	1.30	186.00	0.10	176.00	67.10	0.90	3.60%	1.30%
NKG	Vật liệu	22.1	4.50%	2.00	240.00	16.10	(2,655.00)	-8.30	1.20	10.60%	13.50%
PTB	Vật liệu	57.3	-0.30%	0.70	158.00	0.20	5,309.00	10.80	1.40	17.40%	13.40%
KSB	Vật liệu	25.3	1.40%	1.70	80.00	2.10	1,482.00	17.10	1.00	3.00%	5.80%
NVL	BĐS	17.6	3.50%	1.90	1,418.00	34.40	(295.00)	-59.60	0.90	3.80%	1.90%
DXG	BĐS	20	1.30%	2.60	504.00	21.90	(317.00)	-63.10	0.90	18.50%	3.40%
HDC	BĐS	34	0.30%	1.50	190.00	9.70	2,190.00	15.50	2.50	2.00%	16.90%
DIG	BĐS	25	1.00%	2.40	630.00	35.30	152.00	164.20	2.00	5.60%	1.10%
IJC	BĐS	13.6	0.00%	1.70	142.00	1.00	1,597.00	8.50	0.90	5.70%	10.90%
BSR	Dầu khí	19	1.10%	1.50	-	5.40	1,596.00	11.90	1.10	0.40%	9.70%
PVT	Dầu khí	25.2	1.20%	0.70	337.00	4.60	2,993.00	8.40	1.00	13.50%	16.40%
PLC	Vật liệu	30	-1.00%	1.30	100.00	0.20	1,353.00	22.20	1.90	1.20%	8.50%

DANH MỤC BSC 50 (tiếp)

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
DRC	Săm lốp	23	-0.40%	0.80	113.00	0.10	1,980.00	11.60	1.60	11.50%	13.50%
REE	Tiện ích	57.1	-0.70%	0.70	964.00	0.70	6,445.00	8.90	1.20	49.00%	18.50%
GEX	Tiện ích	21.8	1.20%	1.70	767.00	22.20	384.00	56.70	1.00	11.90%	5.40%
NT2	Tiện ích	24.4	-0.80%	0.60	290.00	0.60	2,560.00	9.50	1.50	15.30%	16.20%
HDG	Bất động sản	28.1	-0.40%	1.50	355.00	2.20	2,739.00	10.30	1.30	23.80%	16.80%
PC1	Tiện ích	25.9	-0.40%	1.50	333.00	2.90	944.00	27.40	1.30	5.60%	5.00%
GEG	Tiện ích	13.2	-1.90%	0.70	187.00	0.40	636.00	20.80	0.80	45.90%	5.60%
BCG	Tiện ích	8.6	2.40%	2.50	190.00	3.40	(79.00)	-109.40	0.30	2.00%	0.30%
SAB	F&B	63	4.30%	0.50	3,338.00	2.00	3,518.00	17.90	3.30	62.30%	18.70%
QNS	F&B	45.6	0.00%	0.50	-	0.90	4,965.00	9.20	2.10	16.20%	24.30%
FRT	Bán lẻ	102	2.10%	1.00	574.00	3.10	(327.00)	-311.60	8.70	32.60%	11.80%
DGW	Bán lẻ	50.8	2.60%	2.00	351.00	2.70	2,984.00	17.00	3.80	23.60%	21.90%
DBC	F&B	24	0.00%	1.80	240.00	8.60	551.00	43.60	1.20	5.90%	2.90%
PET	Bán lẻ	24.4	0.80%	2.20	108.00	0.60	837.00	29.20	1.40	1.40%	5.70%
BAF	F&B	25.8	0.00%	0.40	153.00	4.10	1,225.00	21.00	2.10	0.10%	10.20%
ANV	Thủy sản	30	0.00%	1.50	165.00	2.30	2,162.00	13.90	1.50	3.90%	10.00%
VSC	Logistics	27.4	-0.90%	0.60	151.00	1.80	1,370.00	20.00	1.20	3.20%	7.90%
HAH	Logistics	34	1.30%	1.00	148.00	4.40	5,742.00	5.90	1.20	4.10%	24.60%
CTR	Công nghệ	88	5.30%	1.10	416.00	3.10	4,238.00	20.80	6.10	9.70%	32.10%
TNG	Dệt may	18.5	0.00%	1.10	87.00	1.40	2,353.00	7.90	1.40	21.50%	17.10%

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

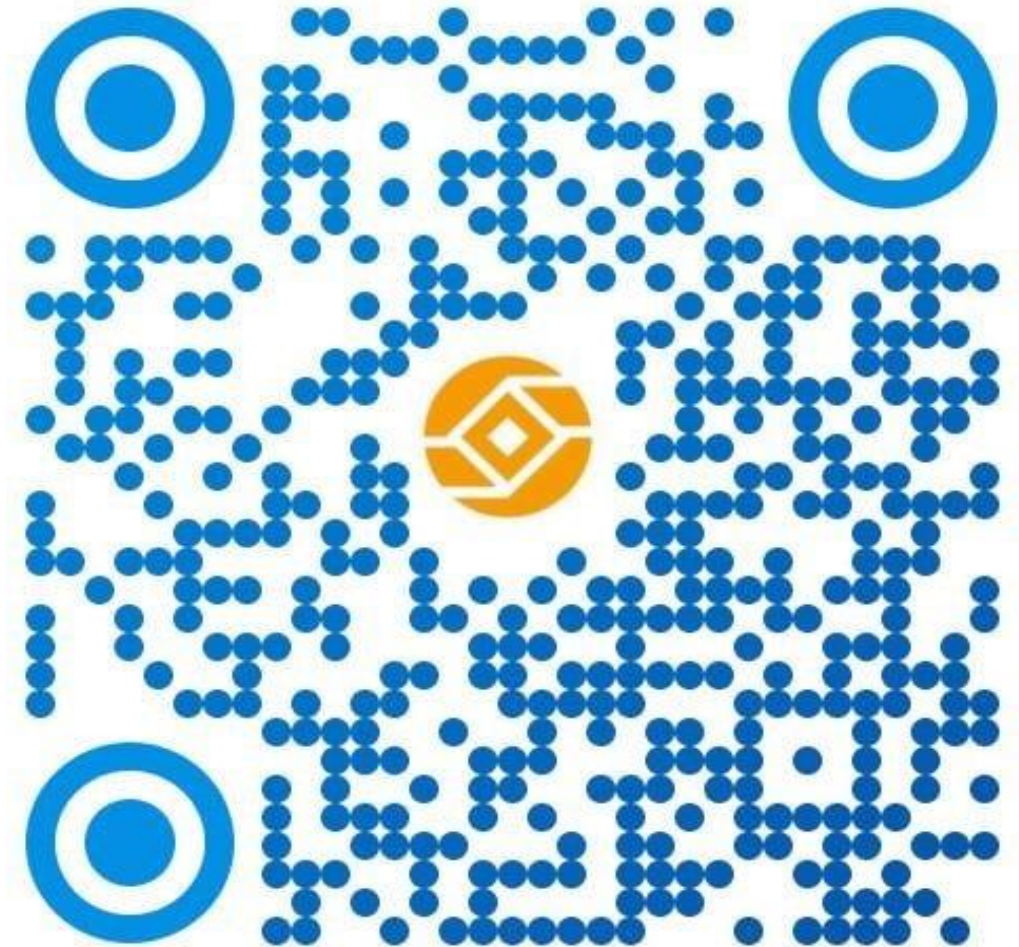
Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký